

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

TS. Trần Thị Hải Yến

Học viện Hành chính Quốc gia, 77 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0945 505 662. Email: tranthihaiyen.tm@gmail.com.

TÓM TẮT

Quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước của Việt Nam. Quản lý được thiết lập nhằm khám phá vai trò tiềm năng của khu vực công trong các nước đang phát triển để khuyến khích và tăng cường. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đang trở thành một phần không thể tách rời trong chiến lược kinh doanh, giúp doanh nghiệp xây dựng được hình ảnh tốt trong mắt của đối tác và xã hội. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu về mặt lý luận và thực trạng về quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: quản lý, nhà nước, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

ABSTRACT

State management of corporate social responsibility is an important content in the state management of Vietnam. Management is set up to explore the potential role of the public sector in developing countries to encourage and strengthen[9]. Corporate social responsibility is becoming an integral part of business strategy, helping businesses build a good image in the eyes of partners and society. In this article, the author focuses on theoretical and practical research on state management of corporate social responsibility and proposes some solutions to improve the effectiveness of state management on corporate social responsibility in Vietnam today.

Keywords: management, state, CSR

1. Quan niệm về quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Khái niệm quản lý

Quản lý là sự tác động có ý thức, bằng quyền lực, theo quy trình của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý để phối hợp các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu của tổ chức trong điều kiện môi trường biến đổi” [3, tr44]. Các bản Hiến

pháp của Việt Nam không đưa ra định nghĩa về quản lý nhưng quản lý được coi là một trong những nguyên tắc của hoạt động nhà nước. Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật*”. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật là công cụ hữu hiệu để Nhà nước quản lý xã hội có hiệu quả, chất lượng. Theo quan niệm của tác giả,

quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

Khái niệm trách nhiệm xã hội

Trách nhiệm xã hội nhằm đóng góp vào các mục tiêu xã hội mang tính chất từ thiện, hoạt động hoặc từ thiện bằng cách tham gia hoặc hỗ trợ các hoạt động tình nguyện hoặc hướng đến đạo đức [7]. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR - Corporate Social Responsibility) theo nghĩa chung phản ánh nghĩa vụ đối với xã hội và các bên liên quan trong xã hội chịu tác động của doanh nghiệp [1, tr 68]. CSR bắt buộc những người ra quyết định phải thực hiện các hành động bảo vệ và cải thiện phúc lợi của xã hội cùng với việc phục vụ lợi ích của chính họ [2]. Khái niệm CSR đã xuất hiện ở Việt Nam từ năm 2002, khi nó được quốc tế giới thiệu các tổ chức như Ngân hàng Thế giới, đặc biệt sau vụ Vedan xả thải ra sông Thị Vải thì các cơ quan nhà nước, người dân đặc biệt quan tâm đến CSR của doanh nghiệp.

Trách nhiệm xã hội là khái niệm khá rộng. Có thể chia trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thành 3 cấp độ. Cấp độ thứ nhất, doanh nghiệp làm một số hoạt động từ thiện - cấp độ này rất nhiều doanh nghiệp làm. Cấp độ thứ hai, doanh nghiệp thực hiện một số hoạt động bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng... Cấp độ cao nhất là doanh nghiệp gắn trách nhiệm xã hội với hoạt động kinh doanh cốt lõi. Không phải một doanh nghiệp làm từ thiện, tặng một khoản tiền cho người có hoàn cảnh

khó khăn, xây một vài căn nhà tình nghĩa... là đã hoàn thành trách nhiệm xã hội. Có những doanh nghiệp làm từ thiện nhưng trong hoạt động kinh doanh vẫn xả chất thải ra thẳng môi trường. Do vậy, doanh nghiệp cần thực hiện CSR toàn diện mà không chỉ dừng ở việc từ thiện.

Khái niệm quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước về quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong việc thực hiện CSR nhằm đảm bảo quyền con người và phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội của đất nước.

Hiện nay, Việt Nam đã và đang trong quá trình hội nhập quốc tế, tuy nhiên vẫn còn những giá trị cũ tồn tại trong tư duy các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước. Do vậy, trong thời gian tới, nước ta triển khai thực hiện việc quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cần có sự nỗ lực rất lớn của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, đơn vị và cá nhân. Mục tiêu chính của việc thực hiện quản lý nhà nước về CSR đó là sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, cơ hội phát triển lâu dài, sự tin tưởng của cổ đông, đối tác và khách hàng để phục vụ cho xã hội ngày càng phát triển.

Quản lý nhà nước về CSR được thể hiện ở việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước ban hành chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về CSR. Các

cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp do luật quy định nhằm bảo đảm sự tuân thủ tuyệt đối CSR bảo đảm sự kiểm soát quyền lực nhà nước và đưa ra các biện pháp xử lý kỷ luật nếu phát hiện ra các vi phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước cao nhất là Chính phủ, dưới Chính phủ là bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có quyền quản lý nhà nước về CSR. Chính phủ vẫn giữ quyền đặc quyền thông qua quyền cổ đông chi phối và khả năng bổ nhiệm các vị trí chủ chốt trong các công ty cổ phần hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp chủ chốt [10]. Quản lý nhà nước về CSR có tính ổn định, liên tục. Nhân sự trong quản lý nhà nước về CSR là đội ngũ công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2019; Luật Viên chức năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kể từ năm 2000, Việt Nam đã thực hiện một bước tiến đáng kể của chính sách *Đổi mới*, đưa đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu [10]. Nội dung quản lý nhà nước về CSR là phạm vi rất rộng lớn. Trong bài viết này, tác giả tập trung vào ba nhóm chủ yếu sau đây:

Nhóm thứ nhất, các cơ quan nhà nước sẽ tạo điều kiện, môi trường ổn định cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả bằng các chính sách, pháp luật cụ thể. Các cơ quan nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tự do kinh doanh và được nhà nước bảo đảm thực hiện quyền đó. Các cơ quan nhà nước sẽ xây dựng, ban hành các quy định của pháp luật theo những trình tự, thủ tục nhất định để thực hiện việc quản lý nhà nước về CSR.

Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quản lý nhà nước về CSR ta do nhiều cơ quan nhà nước ban hành cho nên số lượng quy phạm pháp luật rất lớn và tập trung chủ yếu vào những nội dung chủ yếu sau đây:

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định xây dựng về đạo đức của doanh nghiệp trong kinh doanh;
- Nhóm quy phạm pháp luật về hoạt động từ thiện của doanh nghiệp;
- Nhóm quy phạm pháp luật về trách nhiệm đóng thuế cho nhà nước;
- Nhóm quy phạm pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp;
- Nhóm quy phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp;
- Nhóm quy phạm pháp luật về cung ứng sản phẩm có chất lượng và an toàn cho con người;
- Nhóm quy phạm pháp luật về với các quyền lao động;
- Nhóm quy phạm pháp luật về các quyền đào tạo và phát triển nhân sự;
- Nhóm quy phạm pháp luật về các quyền về đầu tư, kinh doanh lành

manh;

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định quản lý công chức, viên chức trong CSR;

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định hợp tác quốc tế về CSR;

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về CSR.

Hệ thống các quy định quản lý nhà nước về CSR theo các cấp độ, mức độ khác nhau như: Luật do Quốc hội ban hành; Nghị định do Chính phủ ban hành; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ trưởng và các văn bản của chính quyền địa phương. Các quy định của pháp luật về CSR rất rộng, bao trùm rất nhiều luật, nghị định, thông tư như Hiến pháp năm 2013, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật lao động, Luật Bảo vệ Môi trường... Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được thể chế hoá trong các bộ quy tắc ứng xử, nội quy, quy chế, thoả ước lao động tập thể.

Bên cạnh các quy định theo luật cứng, việc quản lý nhà nước của Việt Nam còn theo các quy định của “luật mềm” bằng việc thực thi các công ước quốc tế, các bộ quy tắc ứng xử mang tính quốc tế có tính ràng buộc pháp lý về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các cam kết của doanh nghiệp đối với việc bảo đảm quyền con người và phát triển bền vững. Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người: Thực hiện khuôn khổ “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của LHQ’ (UNGP), năm 2011 thông qua các

chính sách, pháp luật, quy định và cơ chế xét xử hiệu quả.

Nhóm thứ hai, nhà nước tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về CSR thông qua các chủ thể quản lý nhà nước. Việc tổ chức thực hiện các quy định về CSR bằng rất nhiều các cách thức khác nhau như tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật và kết hợp với biện pháp cưỡng chế nhà nước.

Nhóm thứ ba, kiểm tra, giám sát các chính sách, pháp luật về CSR. Nhà nước thiết lập các thể chế để kiểm soát việc thực hiện pháp luật về CSR một cách có chất lượng và hiệu quả. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của CSR là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương. Qua những đợt kiểm tra, thanh tra đã góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức của lãnh đạo các bộ, ngành, UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã và lãnh đạo của doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của CSR. Công tác kiểm tra, thanh tra còn giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về CSR đánh giá được tình hình thực hiện các quy định về CSR; đánh giá được những tác động của văn bản khi triển khai, áp dụng trong thực tế; trên cơ sở đó giúp hoàn thiện hơn hệ thống văn bản quản lý, và giúp đề ra những định hướng chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan tại trung ương và địa phương cho phù hợp với đặc điểm tình hình của từng giai đoạn cụ thể có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về CSR.

3. Một số vướng mắc của quản lý nhà

nước về CSR và giải pháp hoàn thiện

Đất nước rất cần doanh nhân tâm huyết, có trách nhiệm để bảo vệ chủ quyền, lo cho đất nước. Chính sách cần trợ lực cho doanh nhân yêu nước, làm giàu nhưng có trách nhiệm với quê hương, làm đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thời gian qua vẫn còn một bộ phận không nhỏ doanh nhân đặt lợi nhuận lên trên hết, bất chấp hết. Có thủ đoạn, hành vi trục lợi, lợi dụng các sơ hở trong chính sách để lũng đoạn thị trường [3]. Tổng công ty Sonadezi và các đơn vị thành viên tích cực thực hiện CSR, Công ty TNHH Hwaseung Vina, Công ty TNHH Advanced Multitech Việt Nam... Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk Việt Nam là một trong những DN phát triển bền vững thông qua việc thực hiện tốt các tiêu chí đầu tư môi trường - xã hội - quản trị (ESG - Environmental, Social, and corporate Governance) về đạo đức trong trách nhiệm đối với xã hội.

Theo báo cáo của Viện Nghiên cứu và quản lý kinh tế trung ương, đa phần các doanh nghiệp Việt Nam chưa hiểu đúng về CSR, chỉ có 36% doanh nghiệp tham gia khảo sát trả lời có bộ phận giám sát thực hiện CSR và khoảng 2% doanh nghiệp xác định họ đang là thành viên của nhóm thực hiện các tiêu chuẩn chính sách (theo tiêu chuẩn Việt Nam) [8, tr.16].

Trong việc xây dựng văn bản quản lý nhà nước về CSR vẫn còn nhiều khoảng trống, do vậy, đã có một số doanh nghiệp đã vi phạm các quy định trong lĩnh vực môi trường, thuế, xây dựng, điển hình là Vụ cháy Nhà

máy Bóng đèn, phích nước Rạng Đông, Vụ nước sạch Sông Đà nhiễm dầu thải. Chất lượng chưa tương xứng với số lượng; các dự án FDI có công nghệ trung bình so với thế giới (80%), một phần đáng kể có công nghệ lạc hậu (14%) và chỉ có 6% có công nghệ cao. Ngay cả trong trường hợp như Nokia, Samsung... các công đoạn sản xuất tại Việt Nam phần lớn đều ở công đoạn cuối, tức là chỉ lắp ráp, không đòi hỏi lao động chất lượng cao và công nghệ tiên tiến. Ngoài ra, do nhiều dự án FDI đưa vào dây chuyền công nghệ lạc hậu, chưa tự giác trong việc tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, nên có tác động tiêu cực đến môi trường... Nhiều dự án FDI vẫn xảy ra tình trạng nợ đọng bảo hiểm xã hội, tranh chấp lao động, với hàng ngàn cuộc đình công đòi quyền lợi về lương, thưởng, thời gian làm thêm, nghỉ giữa giờ và các chế độ phúc lợi khác giữa những lao động và người sử dụng lao động [6]. Thêm vào đó, có một số văn bản quy phạm pháp luật về CSR sau khi ban hành đã không mang lại những hiệu quả mong muốn cho các chủ thể. Do thiếu những chế tài xử lý các vi phạm pháp luật về CSR nên có các cá nhân, doanh nghiệp còn vi phạm các quy định về CSR.

Việc tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước về CSR vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp, đa ngành nên có nhiều bộ và cơ quan ngang Bộ cùng “chia sẻ” trách nhiệm này. Với cơ chế tổ chức như vậy dễ tạo sự chồng chéo và khó khăn trong việc ban hành chính sách phù hợp [8]. Việc thanh tra, giám sát của các Bộ, cơ quan nhà nước chủ quản

về CSR cũng còn nhiều vấn đề bất cập cần được tiếp tục hoàn thiện. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần đồng bộ thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về CSR, cụ thể là:

Một là, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng CSR

Việc nâng cao nhận thức trong quản lý nhà nước về CSR cho đội ngũ công chức, viên chức là điều hết sức cần thiết. Tăng cường giáo dục đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức, viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về CSR. Từ đó, góp phần hạn chế được sự tham ô, tham nhũng trong hoạt động thực thi công vụ. Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức cho chủ doanh nghiệp, người lao động và xã hội về tầm quan trọng của CSR, để cho nó không chỉ đơn thuần là hoạt động từ thiện mà là hoạt động mang triết lý bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững. Đưa các nội dung về quản lý nhà nước về CSR vào các trường Đại học, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các buổi tập huấn của doanh nghiệp. Đặc biệt là đưa nội dung thực hiện CSR vào chiến lược kinh doanh.

Hai là, tăng cường vai trò quản lý nhà nước của các chủ thể quản lý nhà nước về CSR. Nâng cao vai trò quản lý nhà nước của Chính phủ, đảm bảo chức năng quản lý nhà nước về CSR. Mặt khác, tăng cường vai trò quản lý nhà nước về thông qua các cơ quan nhà nước có chức năng cụ thể, Bộ lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương như Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Lao

động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp xã. Các Bộ như Bộ Công thương, Bộ Giao thông – Vận tải... và các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương thực hiện CSR.

Ba là, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về CSR

Cần xây dựng một hành lang pháp lý, buộc các doanh nghiệp phải thực thi trách nhiệm xã hội một cách đầy đủ và nghiêm túc. Điều này liên quan trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo môi trường và khung pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động. Khung pháp lý chính là biện pháp có hiệu lực nhất đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; đồng thời, là giải pháp hỗ trợ đắc lực cho giải pháp về đạo đức, làm cho các động cơ đạo đức được củng cố, ngày càng có hiệu lực. Điều khó khăn cho Việt Nam và các nước đang phát triển nói chung là trong bối cảnh cần thu hút đầu tư nước ngoài, nếu đặt nặng mục tiêu về môi trường và xã hội thì doanh nghiệp khó có thể thu hút đầu tư nước ngoài. Cần phải có bộ công cụ đánh giá CSR tác động đến môi trường của doanh nghiệp một cách bài bản, chuyên nghiệp. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc bảo đảm thực hiện CSR của doanh nghiệp bằng các quyền và nghĩa vụ cụ thể của doanh nghiệp. Cần tạo ra cơ chế tôn vinh các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bổ sung vào các quy định pháp lý liên quan đến Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bốn là, Đổi mới một số nội dung quản lý nhà nước về CSR trong việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật; tổ chức thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về CSR. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện CSR. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm các quy định về CSR, các vi phạm phải xử lý kiên quyết, không có vùng cấm, nghiêm minh để làm gương để thấy các chủ thể vi phạm thấy được quả báo nhãn tiền, làm cho các chủ thể không dám và không muốn làm ăn vi phạm các quy định CSR. Cần đưa ra các chế tài xử lý nghiêm khắc với những hành vi cố tình vi phạm các quy định về CSR.

4. Kết luận

Quản lý nhà nước về CSR trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu nổi bật nhưng vẫn còn không ít những hạn chế, bất cập cần phải được xem xét, giải quyết. Trong thời gian tới, quản lý nhà nước về CSR cần xác định những định hướng, giải pháp cụ thể để phù hợp với tình hình mới. Cần ban hành các chính sách để tạo điều kiện hoạt động thuận lợi hơn cho các DN thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với xã hội nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1]. T.J. Brown, P.A. Dacin (1997), “The company and the product: Corporate associations and consumer product responses”, *Journal of Marketing*, 61 (January, 1997).
- [2]. K. Davis, R.L. Blomstrom (1975), *Business and Society: Environment and Responsibility*, McGraw Hill, New York.
- [3]. *Doanh nghiệp, doanh nhân: kiếm tiền bất chấp sớm nhận trái đắng*, <https://tuoitre.vn>
- [4]. SS Gulshan. *Management Principles and Practices by Lallan Prasad and SS Gulshan*. Excel Books India. Pp. 6-. ISBN 978-93-5062-099-1.
- [5]. Phạm Thị Huyền Sang (2016), “Vai trò của Nhà nước trong việc thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”, *Thanh tra* – 2016.
- [6]. Hoàng Ngọc Hải, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, <https://tuyengiao.vn/>
- [7]. Lee, Nancy; Kotler, Philip (2013), *Corporate social responsibility doing the most good for your company and your cause*. Hoboken, NJ: Wiley. ISBN 978-1118045770
- [8]. Nguyễn Thị Minh Nhân (2014), “Quản lý nhà nước đối với việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam”, *Tạp chí Lao động xã hội*, số 478, năm 2014.

- [9]. Twose, N., & Rao, T. (2003). Strengthening Developing Country Governments' Engagement with Corporate Social Responsibility: Conclusions and Recommendations from Technical Assistance in Vietnam. Final Report
- [10]. Vuong, Q. (2014). Vietnam's political economy in transition (1986–2016). *Stratfor Wordview*. Retrieved from <https://worldview.stratfor.com/hub/vietnams-political-economy-transition-1986-2016/>.